

Số: /BC- NHTKT

Nghĩa Thương, ngày 20 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

A. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Vị trí địa lý

Xã Nghĩa Thương là xã đồng bằng, nằm cách trung tâm huyện Tư Nghĩa về phía Đông khoảng 1,5 km. Diện tích tự nhiên 1.449,02 ha; địa hình tương đối bằng phẳng, có khoảng 10% diện tích đồi núi thấp, còn lại là vùng đồng bằng và sông, kênh mương thủy lợi).

- Phía Đông giáp xã Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa.
- Phía Tây giáp xã Nghĩa Trung và Thị trấn La Hà, Huyện Tư Nghĩa.
- Phía Nam giáp xã Nghĩa Phương, Nghĩa Hiệp, Huyện Tư Nghĩa.
- Phía Bắc giáp xã Nghĩa Đồng, Nghĩa Hà, Thành phố Quảng Ngãi.

Toàn xã có 11 thôn, 27 khu dân cư; quốc lộ 1A kéo dài và nối liền với các tuyến đường liên xã, thuận lợi cho giao thương và trao đổi hàng hóa; nhiều tuyến đường xã, thôn, xóm đã được bê tông hóa. Dân cư phân bố tương đối đồng đều ở khắp 11 thôn gồm thôn Vạn An 1,2,3; La Hà 1,2,3,4 và Điện An 1,2,3,4 và tập trung đông ở các trục đường chính.

2. Địa hình

Địa bàn xã nằm giữa hai con sông lớn của tỉnh Quảng Ngãi: phía Nam gần giáp Sông Vệ, phía Bắc gần giáp sông Trà Khúc, khi đến mùa mưa hai con sông này có dòng nước thường đổ vào hai con sông nhánh đi qua địa phương là sông Cây Bứa và sông Bàu Giang thường xuyên gây nên xói lở, bồi lấp diện tích canh tác, làm hư hỏng kênh mương thủy lợi Thạch nham và đường giao thông, nhiều khu dân cư bị chia cắt, ngập sâu trong nước như: xóm Mỹ Sơn thôn La Hà 1, xóm Nam Trung Nghĩa thôn La Hà 2, xóm Phú Lợi thôn La Hà 4, xóm Tân An thôn Vạn An 1 v.v... gây nguy hiểm đến tính mạng con người và tài sản của nhân dân.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

Xã Nghĩa Thương nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa; hằng năm trên địa bàn xã có 2 mùa rõ rệt, trong đó mùa nắng từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Ngoài ra còn chịu ảnh hưởng trực tiếp gió mùa Đông Bắc và gió Tây Nam.

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	29	1-12	Tăng 1,9°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	33	1-8	Tăng thêm khoảng 1,6-2,4°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	25	9-12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	2390	9-12	Tăng thêm khoảng 25.1 mm

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm			x	
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	0,86% diện tích - 514.080ha
	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				

5. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Vạn An 1	345	15	17	1215	635	580
2	Vạn An 2	281	14	20	1060	550	510
3	Vạn An 3	268	11	19	1067	545	522
4	La Hà 1	483	23	31	1498	790	708
5	La Hà 2	278	20	17	986	500	486
6	La Hà 3	477	21	29	1543	795	748

7	La Hà 4	377	16	26	1338	710	628
8	Điện An 1	366	17	25	1282	655	627
9	Điện An 2	299	16	24	1043	522	521
10	Điện An 3	298	14	23	1025	550	475
11	Điện An 4	523	22	29	2140	1200	940
	Tổng	3.995	189	260	14.197	7.452	6.745

6. Hiện trạng sử dụng đất đai¹

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1.449,02
1	Nhóm đất Nông nghiệp	1.028,84
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	1.028,35
1.1.1	Đất lúa nước	708,28
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì)	111,00
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	200,77
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	8,30
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	0
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	0,49
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	0,49
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	0
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	0
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	407,47
2.1	Đất ở	133,51
2.2	Đất chuyên dùng	134,70
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan	0,67
2.2.2	Đất công trình sự nghiệp	7,73
2.2.3	Đất sản xuất Kinh doanh phi nông nghiệp	14,25
2.2.3	Đất có mục đích công cộng	112,06
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	1,55
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	1,08
2.5	Đất Nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	61,08
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, mương, rạch, suối	74,2
2.7	Đất mặt nước chuyên dùng	1,34
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	12,72
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	97%
	- Đất ở	97%

¹ Phân loại theo luật đất đai 2013

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỷ lệ % Phụ nữ tham gia
1	Trồng trọt	13,01	3.196	44,9 triệu đồng/ha	65
2	Chăn nuôi	8,4	2.996	11,68 triệu đồng/ha	80
3	Nuôi trồng thủy sản	0	0		
4	Đánh bắt hải sản	0	0		
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	22,16	400	230 triệu VND/năm	90
6	Buôn bán	9,63	539	74,21 triệu VND/năm	70
7	Du lịch	0	0		
8	Ngành nghề khác- Gồm: Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	46,74	2.197	88,30 triệu VND/năm	30

B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



Là địa bàn xã có địa hình nằm giữa hai con sông lớn, khi đến mùa mưa, hai con sông này có dòng nước thường đổ vào hai con sông nhánh đi qua địa bàn đó là sông Cây Búa và sông Bàu Giang thường xuyên gây nên xói lở, bồi lấp diện tích canh tác, hư hỏng nặng kênh mương thủy lợi thạch nham và đường giao thông và nhiều cơ sở hạ tầng khác; nhiều vùng khu dân cư bị chia cắt ngập sâu trong nước như: xóm Mỹ Sơn thôn La Hà 1, xóm Nam Trung Nghĩa thôn La Hà 2, xóm Phú Lợi 2, xóm Phú Lợi 3 thôn La Hà 4, xóm Tân An thôn Vạn An 1... gây nguy hiểm đến tính mạng con người, gây thiệt hại về tài sản của nhân dân.

Nhiều năm gần đây, tình hình thiên tai và biến đổi khí hậu diễn ra phức tạp, gây ra bão, lũ bất thường làm thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là ảnh hưởng đến cây lúa, hoa màu và chăn nuôi.

Hàng năm trên địa bàn xã Nghĩa Thương thường xảy ra các loại hình thiên tai như lũ lụt, ATNĐ, bão, nắng nóng... Nhưng qua đánh giá thì chu kỳ khoảng 4 đến 5 năm là có những trận lũ lụt, bão lớn xảy ra gây thiệt hại nghiêm trọng về cơ sở hạ tầng và ảnh hưởng đến đời sống người dân nơi đây (như 2009, 2013, 2017).

Nhìn chung đa số người dân xã Nghĩa Thương có kiến thức về phòng chống thiên tai, nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số người dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai/biến đổi khí hậu, nên nhận thức về rủi ro thiên tai còn hạn chế; đặc biệt là khoảng 20% người dân còn chủ quan trong việc bảo vệ tính mạng và tài sản, chưa có trang thiết bị, phương tiện bảo hộ phòng chống thiên tai..., chưa chủ động thực hiện các biện pháp phòng, tránh nên có nguy cơ cao bị nguy hại đến tính mạng và thiệt hại về tài sản.

- *Đối với Lũ lụt:* Tần suất xuất hiện trung bình: Từ 5 - 7 đợt lũ/năm. Thời gian xuất hiện từ tháng 9 đến tháng 12, lũ tiểu mãn thường xuất hiện vào tháng 4,5, lượng mưa tăng dần và kéo dài ngày.

- *Đối với bão và áp thấp nhiệt đới:* Tần suất xuất hiện trung bình: 0,3 cơn bão/năm, thời gian xuất hiện phổ biến từ tháng 8 đến tháng 12, cường độ bão xuất hiện nhiều: từ cấp 9 đến cấp 12.

- *Đối với hạn hán:* ít xảy ra trực tiếp trên địa bàn, chủ yếu xảy ra các khu vực khác làm ảnh hưởng nguồn nước sản xuất (Hạn hán chỉ ảnh hưởng đến thiếu nước tưới cho sản xuất khi điều tiết nước không hợp lý đối với ruộng lúa dùng giống dài ngày).

Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa

STT	Loại Thiên tai ² /BĐKH ³ phổ biến (Bão, Lũ,	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ/Cấp độ thiên tai cao nhất đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
-----	---	----------------------------------	--	--

² Các loại hình thiên tai theo Luật PCTT: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác

³ Biểu hiện biến đổi khí hậu bao gồm nhiệt độ trung bình tăng lên, nước biển dâng, lượng mưa và thiên tai thay đổi về tần suất, mức độ trầm trọng và thời gian xảy ra trong thời gian dài

	Hạn, Nước Biển dâng, v.v.)			
1	Lũ lụt	Toàn xã (Vạn An 1,2,3; La Hà 1,4; Điện An 2)	Trung bình	Tăng, xảy ra đột ngột, nước dâng lên nhanh, xu hướng xảy ra thất thường khó dự đoán
2	Bão, ATNĐ	Toàn xã	Mức độ Trung bình	Tăng, gió lớn, khó dự đoán
3	Nắng nóng	Toàn xã	Mức độ thấp	Nắng nóng kéo dài Nhiệt độ tăng

2. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
09/2009	Bão, lũ lụt	Toàn xã	1.Thiệt hại về người	06 người
			2.Thiệt hại nhà	128 nhà (17 nhà sập hoàn toàn, 12 nhà hư hỏng trên 80%, 34 nhà hư hỏng 60%, 65 nhà siêu vẹo)
			3.Số km đường giao thông bị sạt lở	1,8km
			4.Số diện bị sa bồi	10ha
			5.Số ao hồ bị thiệt hại;	2ha
			6. Hoa màu thiệt hại	5 ha
			7. Trôi ứot lương thực	40 tấn
			8.Gia súc, gia cầm bị chết, trôi	12.093con
			9.Giếng nước bị ngập	1.500 giếng
			Ước tính thiệt hại: 8.829 triệu đồng	
T11/2013	ATNĐ, lũ lụt		1.Thiệt hại về người	01 người
			2.Thiệt hại nhà	52 nhà (03 nhà sập hoàn toàn, 08 nhà hư hỏng trên 50%, 41 nhà hư hỏng vách, siêu vẹo)
			3. Bị ngập nước	3.572 nhà

			4.Số km đường giao thông bị sạt lở	9,9km
			5.Số diện bị sa bồi	5,7ha
			6.Kênh mương bị sạt lở	3,8km
			7. Hoa màu thiệt hại	17,7 ha
			8. Trôi ứot lương thực	90 tấn
			9.Gia súc, gia cầm bị chết, trôi	12.200con
			10.Giếng nước bị ngập	1.545 giếng
			Ước tính thiệt hại: 10.133,182 triệu đồng	
T12/2016	Lũ lụt		1.Thiệt hại về người	01 người
			2.Thiệt hại nhà	03 nhà sập hoàn toàn,
			3.Số km đường giao thông bị sạt lở	0,7km
			4.Hồ đập bị sạt lở	01 đập
			5.Kênh mương bị sạt lở	0,7km
			6. Hoa màu thiệt hại	114,225 ha
			7. Cầu bị sập	01 cái
			8.Gia súc, gia cầm bị chết, trôi	12.200con
			9.Giếng nước bị ngập	215 giếng
		Ước tính thiệt hại: 6.514 triệu đồng		

3. Nhóm dễ bị tổn thương:

T	T	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương												
			Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai *	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa		Người bị bệnh hiểm nghèo	
			Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Vạn An 1	25	52	94	198	18	71	126	25	48			0	3	
2	Vạn An 2	13	31	148	306	19	46	83	12	23			1	3	
3	Vạn An 3	22	40	171	330	16	120	206	17	35			2	4	
4	La Hà 1	31	67	106	243	12	54	106	13	26			1	3	
5	La Hà 2	72	141	104	209	17	40	78	9	18			0	3	
6	La Hà 3	82	167	110	218	21	39	76	14	26			2	4	
7	La Hà 4	33	66	93	182	27	60	102	16	31			1	3	
8	Điện An 1	46	90	106	208	21	46	87	12	23			2	4	
9	Điện An 2	54	113	76	150	16	112	201	14	28			1	3	
10	Điện An 3	30	61	141	268	11	115	209	8	15			1	4	
11	Điện An 4	96	189	82	161	25	151	286	18	35			1	4	
	Tổng cộng	504	1.017	1.231	2.473	203	854	1.560	158	308	0	0	12	38	

4. Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với	Năm xây	Nguy cơ xảy ra thiên tai/BDKH
----	----------	-----	----------	---------------------------	---------	-------------------------------

				thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	dựng	(Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trường mầm non	Phòng	11	Cao Xây dựng kiên cố	2013	Thấp
2	Trường học tiểu học	Phòng	30	Cao Xây dựng kiên cố	2003	Thấp
3	Trường THCS	Phòng	20	Cao Xây dựng kiên cố	2006	Thấp
4	Trạm y tế/ Phòng khám	Phòng	1 Trạm, 12 phòng	Cao Đạt chuẩn quốc gia	2016	Thấp
5	Đường điện	Km	24,565	Trung bình Hệ thống mạng lưới điện đảm bảo	2011	Thấp
6	Đường giao thông	Km	56,691	Trung bình	2010- 2017	Trung bình
7	Trụ sở UBND	Phòng	25 phòng	11 phòng tầng xây mới năm 1995 nguy cơ xây ra thiên tai thấp, 14 phòng được xây dựng trước năm 1975 nguy cơ xây ra thiên tai cao	-1995 -Trước 1975	Trung bình
8	Nhà văn hóa xã, thôn	Nhà	12	Cao Mới xây dựng tương đối kiên cố	2016	Trung bình
9	Chợ	Cái	3	01 chợ Điện An chất lượng cao, 02 chợ Vạn An, La Hà chất lượng thấp	-2016 -2007	01 chợ Điện An nguy cơ xây ra thiên tai thấp, 02 chợ Vạn An, La Hà nguy cơ xây ra thiên tai trung bình
10	Hợp tác xã nông nghiệp	Trụ sở	3	Thiếu kiên cố, xuống cấp, chất lượng thấp	Tiếp quản năm năm 1975	Nguy cơ xây ra thiên tai cao
11	Bưu điện xã	cái	1	Thiếu kiên cố, chất lượng trung bình	2012	Nguy cơ xây ra thiên tai trung bình

5. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Nhà thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời (Bão, lũ, sạt lở, lũ quét, v.v)
----	----------	-------	-------------	---	-------------------	------------	--

1	Vạn An 1	310	145	95	70		60
2	Vạn An 2	260	126	99	35		0
3	Vạn An 3	243	94	102	47		75
4	La Hà 1	470	181	243	46		97
5	La Hà 2	253	138	85	30		63
6	La Hà 3	430	175	176	79		0
7	La Hà 4	326	130	120	76		70
8	Điện An 1	324	114	170	40		0
9	Điện An 2	281	150	86	45		52
10	Điện An 3	273	141	79	53		91
11	Điện An 4	498	204	184	110		0
Tổng		3.668	1.598	1.439	631	0	508

6. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH⁴

TT	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Số phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật sống trong từng loại nhà
1	Nhà tạm bợ			
2	Nhà bán kiên cố	300	116	279
3	Nhà thiếu kiên cố	460	80	354
4	Nhà kiên cố	340	548	506
Tổng số		1.100	744	1.139

7. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh				
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)
Vạn An 1	310	280	310			Cao	294	13	2	Cao
Vạn An 2	260	258	260			Cao	244	16		Cao
Vạn An 3	243	240	243			Cao	236	6	1	Cao
La Hà 1	470	455	470	45		Cao	456	13	1	Cao
La Hà 2	253	250	253	105		Trung bình	238	14	1	Trung bình
La Hà 3	430	424	430			Trung bình	468	56		Trung bình
La Hà 4	326	301	326			Cao	310	14	1	Cao
Điện An 1	324	319	324			Trung bình	312	12		Trung bình
Điện An 2	281	276	281			Cao	258	12	1	Trung bình

⁴ Phục vụ dự án GCF

Điện An 3	273	265	273			Trung bình	253	14		Trung bình
Điện An 4	498	487	498			Trung bình	401	20	1	Trung bình
Tổng	3.668	3.555	3.668	150			3.470	190	8	Trung bình

8. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét					
2	Sốt rét, sốt xuất huyết					
3	Viêm đường hô hấp	800 trẻ, năm 2013	82 người, năm 2013	120 người, năm 2013	300 người, năm 2013	80 người, năm 2013
4	Tay chân miệng (Bệnh do nước lợ ăn chân, tay)	15 trẻ, năm 2013	150 người, năm 2013	250 người, năm 2013	0	0
5	Dịch tả (Bệnh đường ruột do ô nhiễm nguồn nước)	200 trẻ, năm 2013	45 người, năm 2013	90 người, năm 2013	130 người, năm 2013	25 người, năm 2013

9. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
	Tất cả 11 thôn trong xã	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân Ăn chín quan tâm đến phòng bệnh, sử dụng lương thực thực phẩm đảm bảo vệ sinh: Ăn chín, uống sôi, không tiếp xúc với nguồn nước bị nhiễm bẩn, kịp thời phát hiện và nhanh chóng chuyển người bệnh đến trạm y tế gần nhất để cấp cứu, điều trị. - Công tác tuyên truyền, thực hiện vệ sinh phòng dịch sau thiên tai được ngành y tế quan. 	Trung bình

10. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH⁵ (Không có rừng)

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4

⁵ Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

Rừng ngập mặn			
Rừng trên cát (Cây phi lao)			
Rừng tự nhiên			
Rừng khác			
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng			
Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng			
Tổng			

11. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng⁶ (Không có rừng)

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
(1)	(2)	(3)	(4)
Rừng ngập mặn			
Rừng trên cát (Rừng phòng hộ)			
Rừng tự nhiên			
Rừng khác			
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng			
Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng (trồng xen vào diện tích rừng hiện có);			
Tổng			

12. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt	3.196	44,9 triệu đồng/ha	Trung bình Tuân thủ đúng lịch thời vụ trong	Cao: Thiên tai diễn biến khó dự đoán. Các loại rau màu sản xuất

⁶ Phục vụ cho dự án GCF

				chăn nuôi và trồng trọt	không tập trung, tự phát, không đảm bảo nguồn nước tưới.
2	Chăn nuôi	2.996	11,68 triệu đồng/ha	Trung bình Tuân thủ đúng lịch thời vụ trong chăn nuôi và trồng trọt	Cao: Thiên tai diễn biến khó dự đoán. Chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại không đảm bảo, dịch bệnh do thiên tai...
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)				
4	Đánh bắt hải sản (tấn)				
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân)	400	230 triệu VND/năm	Trung bình	Trung bình
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	539	74,21 triệu VND/năm	Trung bình	Trung bình
7	Du lịch				
8	Ngành nghề khác- Gồm: Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập bình quân)	2.197	88,30 triệu VND/năm	Trung bình	Trung bình

13. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	95
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	80
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Cụm Loa	12
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi hú, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	80
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Thôn/ Tổng số thôn	11 thôn

14. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	11/11 không xây dựng kế hoạch (Thực hiện theo kế hoạch PCTT, BĐKH của xã)
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	05 trường có kế hoạch PCCT
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	01
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	38
	- Trong đó số lượng nữ	Người	5

	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT	Người	850
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	133
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	40
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TƯBĐKH dựa vào cộng đồng	Người	10
	- Trong đó số lượng nữ:	Người	3
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	5
	- Áo phao	Chiếc	150
	- Phao cứu sinh	Chiếc	150
	- Loa	Chiếc	3
	- Đèn pin	Chiếc	5
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	2
	- Lều bạt	Chiếc	0
	- Xe vận tải	Chiếc	0
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	30
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	Đủ cơ số thuốc được cấp
10	Vật tư, vật liệu: - Đất - Đá - Kèm đan rọ (3ly) - Bao cát - Dây buột - Tre	m ³ Viên m Cái M Cây	1500 2500 20.000 500 250 100
11	Lương thực, thực phẩm - Gạo - Mỳ tôm - Dầu thấp	Tấn Thùng Lít	1 100 200
12	Ghe chèo lái trong dân	Chiếc	30

C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TƯBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
---	------------	---	--	--	---

(1)	(2)	(4)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, Bão	11 thôn	Giảm hơn so với trước đây, vì hệ thống giao thông thủy lợi, điện chiếu ... ngày càng đảm bảo hơn.	<ul style="list-style-type: none"> * Giao thông - Đường liên thôn chưa được bê tông hoá: 8,81km chiếm 48%. - Đường ngõ xóm chưa được bê tông hoá: 8,04km, chiếm 44,2%. - Đường giao thông nội đồng chưa được cứng hoá: 9,7 km, chiếm 76,1 %. - Thiếu hệ thống công thoát nước tại các khu dân cư * Hệ thống kênh mương chưa được kiên cố hoá: 3,4 km chiếm 17%. * Điện chiếu sáng trong thôn, ngõ xóm chưa đảm bảo (15%). 	Trung bình Đường liên xã, liên thôn đã được bê tông hoá đảm bảo cho việc giao thông đi lại và công tác PCTT. Tuy nhiên tuyến đường liên xã hiện nay có những đoạn đã xuống cấp.	Trung bình <ul style="list-style-type: none"> - Đường giao thông liên thôn, xóm và giao thông nội đồng có thể bị sạt lở. - Kênh mương kiên cố hóa có thể bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra - Hệ thống điện chiếu sáng có thể chưa đảm bảo cũng ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt của người dân, đặc biệt khi thiên tai xảy ra.

Nhận xét: Là xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016, nên phần lớn các công trình, cơ sở hạ tầng, điện, đường, trường, trạm, giao thông, thủy lợi...trên địa bàn xã tương đối tốt.

Hệ thống giao thông của xã cơ bản đã được rải nhựa, bê tông hóa đảm bảo cho dân sinh và phòng chống thiên tai, BĐKH. Hiện nay chỉ còn lại một số đoạn đường ngõ xóm và đường giao thông nội đồng chưa được kiên cố; hệ thống công thoát nước chưa được đảm bảo, tuyến đường liên xã từ La Hà đi Nghĩa Hiệp đã xuống cấp, hư hỏng, đang xin chủ trương tu sửa, khả năng chống chịu với thiên tai thấp.

Công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất và dân sinh tại địa phương, các công trình thủy lợi được bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên, phát huy trên 80% công suất thiết kế đảm bảo tưới tiêu chống chịu với bão lũ và thoát nước lũ tốt. Trường học, công sở, trạm y tế, nhà văn hóa 11 thôn đã được xây dựng kiên cố.

2. Kết quả đánh giá về nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)

<i>tai cực đoan hơn v.v.)</i>					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt Bão	11 thôn	Giảm thiệt hại về số lượng nhà (Nhà kiên cố ngày một nhiều) nhưng lại tăng thiệt hại với những hộ gia đình có nhà thiếu kiên cố, hộ gia đình ở vùng có nguy cơ cao	<ul style="list-style-type: none"> - Số hộ có nhà bán kiên cố, thiếu kiên cố trên địa xã còn nhiều (Nhà bán kiên cố 1.439, chiếm 39,2%; Nhà thiếu kiên cố: 631 nhà chiếm 17,2%). - Nhà sống ở các khu vực căn sơ tán do bão, lũ: 508 nhà chiếm 13,8% - Các hộ sống ở vùng trũng: 915 hộ, chiếm 22,9 % số hộ toàn xã; - Đối tượng TTDBTT trên địa bàn xã là 1.139 người. - Kinh tế các hộ có nhà kém an toàn còn khó khăn không có tiền để làm nhà; Một số hộ ốm đau bệnh hiểm nghèo... - Đa số các hộ khó khăn thiếu kiến thức kỹ thuật xây nhà an toàn trước thiên tai. BDKH. 	<p>Trung bình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xây dựng, chèn chống nhà cửa an toàn với thiên tai chủ yếu bằng kinh nghiệm. - Nghe thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ phía chính quyền địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng - Tổ chức chằng chống nhà cửa; chặt tỉa cành cây xung quanh nhà. 	<p>Trung bình:</p> <p>Vì nhà có nguy cơ bị sập đổ, hư hỏng khi có thiên tai; nguy cơ thiệt hại về tính mạng con người (<i>Phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật..</i>) khi bão lũ xảy ra.</p>

Nhận xét: Toàn xã có: 2.070/3.668 nhà bán kiên cố và thiếu kiên cố (10 hộ đang đề nghị hỗ trợ làm nhà); 1.100 hộ nằm ở vùng trũng, thấp có nguy cơ rủi ro cao và 744 nhà nằm trong vùng có nguy cơ rủi ro trung bình bởi các loại hình thiên tai lũ, lụt, bão. Đặc biệt có 1.139 đối tượng dễ bị tổn thương sinh sống trong vùng có nguy cơ bởi thiên tai... do vậy các rủi ro thiệt hại về con người, về nhà ở là rất cao. Tuy nhiên khi có thiên tai lớn xảy ra, các nhà kiên cố có thể làm trú ẩn tạm thời cho người dân xen ghép từ những nhà bán, thiếu kiên cố và nhà trong vùng nguy cơ cao đến phòng, tránh thiên tai an toàn.

3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BDKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng,	Thôn	Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai)	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BDKH (cao, trung bình, thấp)

xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)
Lũ,lụt	- 11 thôn (nhưng vùng nguy cao là các thôn La Hà 1,4; Vạn An 1,2,3; Điện An 2)		<p>Tăng: Mặc dù ý thức người dân về bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn, nhưng do sự gia tăng về mật độ dân số, sự phát triển về sản xuất chăn nuôi ngày càng nhiều, nên tình trạng về ô nhiễm môi trường, nguồn nước sinh hoạt là vấn đề mà người dân quan tâm</p>	<p>- Các hộ chăn nuôi thải nước trực tiếp ra môi trường (sông, kênh rạch); chưa có bãi thu gom,xử lý rác; thùng rác nơi công cộng còn thiếu. - Còn 190 hộ dân chưa có nhà vệ sinh đạt chuẩn; 8 hộ chưa có nhà vệ sinh và 95% hộ dân chưa có hố rác. - 35% hộ ở xa đường bê tông, xe thu gom rác không vào được. - 70% hộ sử dụng nước giếng khoang bị nhiễm phen. - Thuốc khử trùng giếng nước và nước sạch sinh hoạt còn thiếu. - Còn 61 hộ sử dụng giếng đào. - 11 nhà văn hoá thôn chưa có nhà vệ sinh. -180 hộ nằm trong vùng trũng thấp; - Đa số hộ dân chưa có bể để dự trữ nước sinh hoạt trước khi thiên tai xảy ra - Công tác tuyên truyền cho các hộ dân bảo vệ nguồn nước và dự trữ nước sinh hoạt trước khi thiên tai xảy ra chưa được chú trọng. Ý thức của một số người dân còn hạn chế. - Do thiếu nhân lực,</p>	<p>Trung bình Chủ yếu người dân sử dụng nước sinh hoạt bằng giếng đóng có qua bể chứa; chưa sử dụng kỹ thuật lọc nước đúng trình tự kỹ thuật. Các phương tiện thu gom, xử lý rác trong khu dân cư chỉ đáp ứng trong điều kiện thời tiết bình thường.</p>	<p>Nguy cơ cao Thiếu nước sinh hoạt khi có thiên tai; tình trạng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra.</p>

				đặc biệt các hộ neo đơn, hộ khuyết tật,..		
--	--	--	--	---	--	--

Nhận xét: Địa bàn xã là khu vực trũng, thấp khi mưa kéo dài gây nên ngập úng dài ngày; rác thải, nước thải sinh hoạt khu dân cư không tiêu thoát được gây nên ô nhiễm môi trường, sức khỏe...

Trên địa bàn xã còn trên 80% hộ dân chưa có hệ thống cung cấp nước sạch tập trung, nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là giếng đào và giếng khoan, tuy nhiên một số nơi nguồn nước ngầm bị nhiễm phèn, không đảm bảo chất lượng phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân. Do vậy nguy cơ thiếu nước sinh hoạt, bệnh tật ở người dân trong và sau khi lụt xảy ra là rất cao.

5. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ,lụt	Toàn xã	Giảm	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền khuyến cáo về dịch bệnh chưa được làm thường xuyên. - Thiếu trang thiết bị khám chữa bệnh cho người dân trong điều kiện khẩn cấp. - Thiếu cơ sở thuốc điều trị bệnh khi khẩn cấp và xử lý nguồn nước sau lũ - Chưa tổ chức được các lớp tập huấn sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho đội cứu hộ cứu nạn của xã. - Đa số người dân chưa có kiến thức phòng bệnh đặc biệt là các bệnh thường phát sinh sau thiên tai. - Nhận thức về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của người dân còn hạn chế; người dân còn thói quen tự ý dùng thuốc chưa theo đơn bác sĩ., dùng quá liều qui định.. - Trạm y tế dự trữ lượng thuốc tây để phục vụ nhân 	Trung bình Việc xử lý môi trường, nguồn nước sinh hoạt trong và sau thiên tai chỉ áp dụng các biện pháp kỹ thuật thông thường, như viên lọc nước, khử huân, phòng ngừa các bệnh dịch...	Thấp - Một số bệnh tật có thể xảy ra sau thiên tai

			dân còn thiếu khi có thiên tai xảy ra.		
--	--	--	--	--	--

Nhận xét: Trạm y tế được xây mới kiên cố vào năm 2016 đạt chuẩn quốc gia, có 15 giường bệnh, 01 bác sỹ, 03 y sỹ, 03 nữ hộ sinh và 01 dược sỹ trung học có khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật.

Các y bác sỹ đã chuẩn bị cơ sở thuốc để phòng và chữa trị cho người dân mắc bệnh trong, sau thiên tai như sốt, tiêu chảy, nước ăn chân, thuốc sát trùng, bông băng các loại để sơ cấp cứu ban đầu cho người dân, tuy nhiên trang thiết bị cơ sở thuốc phục vụ cho khám chữa bệnh mới đáp ứng được những bệnh thông thường.

Trạm y tế có nền móng cao, có thể di dân đến tránh trú và khám chữa bệnh an toàn khi có lũ, bão.

6. Kết quả đánh giá về giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTĐBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TỪBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão	- Trường THCS: Có 1 trường THCS 2 tầng, đạt chuẩn quốc gia, gồm 20 lớp, 665 học sinh. - Tiểu học: Có 3 điểm trường tiểu học 2 tầng đạt chuẩn quốc gia, gồm 30 lớp, 859 học sinh. - Trường Mẫu Giáo: Có 01 trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia, gồm	Giảm Vì các trường học ngày càng kiên cố, kinh nghiệm, ý thức về PCTT trong trường ngày càng cao.	- Giáo viên và học sinh các trường chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH và kỹ năng sơ cấp cứu, giới, giới tính và nhạy cảm giới. - Các trường học chưa được đầu tư trang thiết bị PCTT như: áo phao, phao cứu sinh, máy điện, loa cầm tay, đèn pin... - Không có kế hoạch PCTT/BĐKH. - Các trường chưa xây dựng được góc giảm nhẹ rủi ro thiên tai. - Các trường chưa có hồ bơi và tổ chức dạy bơi	- Các phòng học được xây dựng kiên cố; kỹ năng áp dụng công nghệ thông tin trung bình.	Thấp: Trường học đều được xây dựng kiên cố, 2 tầng; các trường học nằm ở vùng tương đối an toàn, việc đi lại của học sinh thuận lợi.

	11 lớp, 369 cháu; trong đó: có 02 điểm trường: Điện An và Trung Hòa (2 tầng) và 01 điểm trường La Hà (cấp 4).		cho các em học sinh. - Hệ thống thông tin cảnh báo của trường chưa đáp ứng.		
--	---	--	--	--	--

Nhận xét: Tất cả các trường học đều được xây dựng kiên cố, đảm bảo số lượng phòng dạy và học. Các trường học có thể làm nơi trú ẩn cho học sinh và nơi sơ tán dân đến khi có thiên tai lớn xảy ra.

Bên cạnh đó, phần lớn giáo viên (85% nữ) và học sinh các trường chưa được tập huấn kiến thức PCTT/thích ứng với BĐKH, kỹ năng sơ cấp cứu; trường có xây dựng phương án PCTT nhưng thực hiện chưa có hiệu quả, các trường học đều thiếu trang thiết bị PCTT...vì vậy rủi ro do thiên tai đối với các em học sinh, giáo viên là điều không thể lường trước, trong đó giáo viên là nữ giới chịu tác động cao.

7. Kết quả đánh giá về rừng

(Không có)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)

8. Kết quả đánh giá về trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/ hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng: diện tích trồng trọt có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)

Lũ, lụt, bão	Toàn xã 11 thôn (3.196 hộ)	Xu hướng thiệt hại ngày càng gia tăng trước tác động bất thường của thiên tai và BĐKH	- Diện tích lúa ở vùng bị ngập ứng: 20 ha. - Diện tích đất nông nghiệp thường xuyên thiếu nước tưới: 35 ha. - Diện tích đất hoang hoá, chưa sử dụng: 12,7 ha. - Hoa màu: 70% diện tích cây ớt, ngô và khoai dễ bị đổ ngã khi thiên tai xảy ra. - Đa số người dân chưa được tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi. - Tổ chức tập huấn ít người tham gia, sau tập huấn chưa áp dụng hiệu quả KH-KT vào sản xuất trong trồng trọt và chăn nuôi.	Trung bình Có áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng máy làm đất, máy thu hoạch...	Cao 100% diện tích trồng trọt (rau màu) rủi ro do thiên tai /biến đổi khí hậu: lũ tiểu mãn gây thiệt hại lớn đến vụ rau màu...
--------------	----------------------------------	--	---	--	--

Nhận xét: Ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng 13,01% kinh tế của xã, có 3.196 hộ tham gia. Trong đó: 65% là nữ giới, thu nhập bình quân 44,9 triệu đồng/ha, nhưng so với kế hoạch đề ra chưa đạt, do giá cả đầu vào luôn tăng, đầu ra sản phẩm không ổn định, phần lớn các hộ sản xuất mang tính tự cung tự cấp, thiếu nước sản xuất (rau màu), sâu bệnh thường xuyên xảy ra, gây mất mùa, giảm năng suất. Việc tham gia tập huấn kỹ thuật trồng trọt phân bổ đều ở 2 giới nam và nữ.

7. Kết quả đánh giá về chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc,	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)

<i>nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>				<i>Bình, Thấp)</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt	Toàn xã (2.996 hộ)	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn chăn nuôi nhỏ lẻ, chưa tập trung. - Làm chuồng trại chưa đúng kỹ thuật. - Người dân chưa chủ động tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. - Chưa dự trữ đủ thức ăn cho gia súc gia cầm trong mùa lũ; - Không có đầu ra ổn định tự cung tự cấp - 01 HTX cung ứng vật tư nông nghiệp. 	Trung bình - Tiêm phòng cho gia súc, gia cầm năm 2 lần - 75% hộ gia đình chăn nuôi làm hầm Bioga	Cao - Gia súc gia cầm có nguy cơ bị trôi, dịch bệnh khi có thiên tai.

Nhận xét: Ngành Chăn nuôi chiếm tỷ trọng 8,4% kinh tế của xã, có 2.996 hộ tham gia. Trong đó: 80% là nữ giới, thu nhập bình quân 11,68 triệu đồng /năm, nhưng so với kế hoạch đề ra chưa đạt, do giá cả đầu vào luôn tăng, đầu ra sản phẩm không ổn định, phần lớn các hộ chăn nuôi còn nhỏ lẻ, không có cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô lớn, 80% chuồng trại chăn nuôi dễ bị hư hỏng do thiên tai, công tác tiêm phòng chưa được rộng khắp nên dễ xảy ra dịch bệnh cho gia súc, gia cầm.

9. Kết quả đánh giá ngành thủy sản (đánh bắt và nuôi trồng)

(Không có)

Loại hình Thiên tai/BĐKH <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>	Thôn	Xu hướng thiệt hại <i>(Tăng, Giảm nguyên, Giảm)</i>	TTDBTT <i>(Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)</i>	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	Rủi ro thiên tai/BĐKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

10. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch

(Không có)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

11. Kết quả đánh giá lĩnh vực sản xuất tiểu thủ CN

Loại hình Thiên tai, BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số thôn/hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lũ, lụt	Toàn xã 400 hộ	Giảm Kinh nghiệm, kiến thức PCTT ngày càng cao.	- Các cơ sở kinh doanh hoạt động không ổn định, nhỏ lẻ. - Thu nhập thấp người lao động thấp. - Việc làm không thường xuyên.	Trung bình Chỉ áp dụng công nghệ kỹ năng thông thường trong sản xuất kinh doanh và PCTT.	Trung bình Việc làm không ổn định, thu nhập thấp do tác động của thiên tai xảy ra.

Ngành nghề Tiểu thủ công nghiệp và xây dựng phát triển, có 06 lò gạch; 15 cơ sở giết mổ; 22 máy xay xát; 144 cơ sở công nghiệp chế biến, chế tạo nhỏ; 4 Gara xe ô tô; 20 cơ sở sửa xe máy; 02 cơ sở sản xuất nước đá; 300 lao động xây dựng; 1.400 lao động

làm việc tại các Cụm công nghiệp; phần lớn các chủ cơ sở và người lao động chưa được tập về an toàn lao động và kiến thức về PCTT và sơ cấp cứu ban đầu.

12. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lũ, lụt	Toàn xã (2.736 hộ)	Giảm	<p>* Buôn bán nhỏ (539 hộ), chủ yếu tập trung ở 3 chợ và cận chợ 300 người; Buôn bán tại cửa hàng dịch vụ và tại hộ gia đình 239 người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buôn bán nhỏ lẻ; giá cả không ổn định. - Chất lượng hàng hóa dịch vụ chưa được quản lý, kiểm định chặt chẽ. <p>* Ngành nghề khác(2.197 hộ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công việc không ổn định. - Thu nhập thấp - Chưa được có bảo hiểm, chưa được bị kiên thức an toàn lao động 	Thấp Người dân có nhiều kinh nghiệm hơn trong ứng phó thiên tai	Thấp - Hàng hóa có thể bị ướt, hư hỏng khi thiên tai xảy ra

Ngành buôn bán nhỏ và các dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất lớn trong kinh tế của xã, chiếm tỷ trọng 56,37% kinh tế của xã, có 2.736 hộ tham gia. Trong đó: 78% là nữ giới, thu nhập bình quân 74,21 triệu đồng/năm những cũng còn nhiều hộ buôn bán nhỏ lẻ, manh mún, vốn kinh doanh ít, các mặt hàng không đa dạng, phong phú không đáp ứng

nhu cầu của người tiêu dùng dẫn đến nhiều mặt hàng tồn kho, thiếu vốn dự trữ hàng hóa để bán cho người dân địa phương trong và sau khi thiên tai xảy ra.

13. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lũ, lụt	Toàn xã	Gia tăng	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa phát tại 11 thôn trên địa bàn xã chưa đảm bảo cho công tác truyền thông khi thiên tai(đã cũ, chất lượng kém. - 20% hộ dân ở các khu dân cư không nghe thông báo thông tin của loa phát thanh. - Người dân còn chủ quan, thiếu kiến thức PCTT/BĐKH - Thiếu thiết bị PCTT, hệ thống cảnh báo sớm tại các thôn như loa cầm tay, áo phao, cửa máy... - Thiếu biển báo nguy hiểm, cột mốc báo lũ... - Đập Tân Quang, Đập Cây Xanh bề mặt nhỏ hẹp đi lại không an toàn. 	Trung bình: hệ thống thông tin cảnh báo sử dụng chủ yếu bằng các phương tiện thông tin thông thường như loa phát thanh, đài tivi...thông thường	<p>Trung bình:- Có nguy cơ Gãy đổ, hư hỏng hệ thống truyền thanh khi thiên tai xảy ra.</p> <p>- Thông tin đến với người dân không kịp thời khi thiên tai xảy ra.</p>

Nhận xét: Hệ thống truyền thanh của xã chỉ đáp ứng 80% nhu cầu người dân; các hoạt động truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực, diễn tập PCTT chưa được thực hiện hàng năm. Một số cán bộ, người dân còn xem nhẹ, chủ quan trong phòng ngừa ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu. Hoạt động truyền thông kiến thức PCTT, BĐKH qua các phương tiện, hình thức tờ rơi, panô, áp phích chưa được quan tâm đúng mức, người dân

không nắm bắt được kế hoạch PCTT&TKCN, không biết các phương án cụ thể về PCTT trên địa bàn, chưa lập kế hoạch PCTT hộ gia đình.

14. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'ĐDKH

Loại hình Thiên tai/ĐDKH <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại <i>(Tăng, Giảm nguyên, Giảm)</i>	TTĐBTT <i>(Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và ĐDKH)</i>	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với ĐDKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	Rủi ro thiên tai/ĐDKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ATNĐ, Lũ, lụt	Toàn xã	Giảm, vì Công tác PCTT được lãnh đạo UBND xã quan tâm chú trọng.	<ul style="list-style-type: none"> - Có 6 nhà văn hóa thôn ở khu vực trũng thấp (Thôn La Hà 1,4 Vạn 1,2,3; Điện An2) không đảm bảo cho việc sơ tán người dân đến khi thiên tai xảy ra. - Khoảng 70% cán bộ làm công tác PCTT chưa được tập huấn, đào tạo về các kiến thức, kỹ năng PCTT, Luật PCTT và các văn bản pháp lý liên quan về công tác PCTT. - Kinh phí hoạt động cho công tác phòng chống thiên tai còn hạn chế. - Đội cứu hộ cứu nạn của xã thiếu trang thiết bị, các tổ ứng cứu người dân ở thôn chưa được tập huấn PCTT&TKCN. - Xã chưa có kho dự trữ lương thực, thực phẩm, chủ yếu là dự trữ ở các hộ dân - Nhân sự Ban chỉ huy thường xuyên biến động, dẫn đến công tác chỉ đạo PCTT ở địa phương còn lúng túng, bị động. - Kỹ năng ứng phó với 	Trung bình:- Áp dụng công nghệ khoa học kỹ thuật ở mức trung bình. - Có sự chỉ đạo, điều hành, kiểm tra của Ban Chỉ huy PCTT các cấp (Khi có diễn biến thiên tai) - Có tinh thần trách nhiệm trong công tác PCTT - Có kinh nghiệm ứng phó với thiên tai.	Trung bình Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra

			<p>thiên tai còn hạn chế. Công tác diễn tập phòng chống thiên tai ở xã chưa được thực hiện thường xuyên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc phối hợp trong công tác phòng chống thiên tai giữa các tổ chức đoàn thể, các ban ngành chưa được đồng bộ. - Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn và sơ cấp cứu cho đội thanh niên xung kích ứng phó hiểm họa cộng đồng và các tổ ứng cứu ở thôn còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu phục vụ trong mùa mưa, bão. - Phương châm 4 tại chỗ trong các hộ gia đình chưa được thực hiện nghiêm túc; - 30% số hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nước uống trước khi đi sơ tán. Các thôn, hộ gia đình không chủ động xây dựng kế hoạch PCTT, BDKH (Chủ yếu là thực hiện theo chỉ đạo của BCHPCTT xã). - Người dân chưa được trang bị các trang thiết bị như áo phao, phao cứu sinh. - Khoảng 2% hộ gia đình già cả, neo đơn không có xe máy và không biết tự đi xe máy. - 3% hộ dân chưa có phương tiện nghe, nhìn. - 20% hộ dân chưa chằng, chống nhà cửa trước thiên tai. - 30% hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm để phòng chống thiên tai. 		
--	--	--	---	--	--

Nhận xét: Hàng năm, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã đều có lập kế hoạch, đánh giá tình hình, chuẩn bị lực lượng, phương tiện và trang thiết bị, hậu cần, tài chính theo phương châm 4 tại chỗ; đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận có liên quan trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đôn đốc kiểm tra các hệ thống loa truyền thanh từ xã đến thôn đảm bảo thông tin liên lạc để người dân nắm bắt thông tin và diễn biến của thiên tai, chủ động phòng, chống thiên tai giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Tuy nhiên với vị trí là nằm giữa hai con sông lớn, phía Nam gần giáp Sông Vệ, phía Bắc gần giáp sông Trà Khúc, hàng năm thường có từ 5 - 10 cơn Bão, ATNĐ, lũ lụt và mưa lớn; đội ngũ cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm, nguồn lực, kinh phí, trang thiết bị PCTT còn hạn chế như hiện nay thì khả năng ứng phó với thiên tai lớn xảy ra trên địa bàn sẽ gặp nhiều khó khăn.

15. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân/lực lượng lao động/tài sản có nguy cơ bị thiệt hại trong thiên tai và do BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

1. Tổng hợp kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

THIÊN TAI	RỦI RO THIÊN TAI	TTDBTT	NGUYÊN NHÂN TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP	GIẢI PHÁP
Bão, Lũ, lụt	Môi trường có thể bị ô nhiễm	<ul style="list-style-type: none"> - Địa bàn trũng thấp - Có 190 hộ dân chưa có nhà vệ sinh đạt chuẩn. - 35% hộ ở xa đường bê tông, xe thu gom rác không vào được. - Ý thức của một số người dân về bảo vệ môi trường còn hạn 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi thải nước trực tiếp ra môi trường (sông, kênh rạch); - Một số hộ gia đình còn khó khăn, không có kinh phí để làm nhà vệ sinh đạt chuẩn. - Công tác tuyên truyền bảo vệ môi 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền người dân chôn xác súc vật chết và bỏ rác, vỏ bao bì, thuốc BVTV đúng nơi quy định; - Tuyên truyền cho người dân nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường; - Trang bị thùng đựng rác và phương tiện thu

		ché.	trường chưa thường xuyên. - Thiếu dụng cụ (thùng đựng rác) và phương tiện thu gom rác. - Người dân còn thiếu kinh phí xây dựng hầm bioga để chăn nuôi.	gom rác thải; - Vận động nguồn lực để người dân xây dựng hầm bioga. - Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm tài nguyên môi trường
Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm	- Có 180 hộ gia đình ở trong vùng trũng thấp. - 70% hộ sử dụng nước giếng khoan bị nhiễm phèn. - Còn 61 hộ sử dụng giếng đào. - Đa số hộ dân chưa có bể để dự trữ nước sinh hoạt trước khi thiên tai xảy ra.	- Người dân chưa biết cách che đậy giếng nước khi có lũ lụt. - Không dự trữ nguồn nước sạch. - Thiếu dụng cụ, thiết bị lọc nước. - Thiếu các điểm cung cấp nước sạch. - Thiếu thuốc khử trùng giếng nước và nước sạch sinh hoạt khi thiên tai xảy ra.	- Hướng dẫn cho người dân cách bảo quản, che đậy giếng nước khi có mưa, lũ. - Cung cấp hệ thống nước sạch cho người dân; - Dự trữ nước sạch khi có thiên tai xảy ra; - Cung cấp hóa chất xử lý nước sau lụt	
Gia súc, gia cầm có thể bị thiệt hại (chết, cuốn trôi, dịch bệnh)	- Phần lớn chăn nuôi nhỏ lẻ, chưa tập trung. - Làm chuồng trại chưa đúng kỹ thuật. - Người dân chưa chủ động tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. - Chưa dự trữ đủ thức ăn cho gia súc gia cầm trong mưa lũ;	- Thiếu vốn đầu tư trong chăn nuôi. - Chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi. - Các hộ gia đình nuôi gia súc, gia cầm ở vùng trũng thấp. - Chủ quan, thiếu kinh nghiệm về PCTT trong bảo vệ tài sản, gia súc, gia cầm	- Nâng cấp, gia cố chuồng trại; - Tập huấn KHKT về chăm sóc vật nuôi - Hỗ trợ vay vốn. - Tuyên truyền cho người dân bảo vệ gia súc, gia cầm trước - trong- sau thiên tai	

<p>Nhà có thể bị thiệt hại (sập đổ, cuốn trôi)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà bán kiên cố 1.439, chiếm 39,2%; - Nhà thiếu kiên cố: 631 nhà chiếm 17,2%. - Nhà sống ở các khu vực cần sơ tán do bão, lũ: 508 nhà chiếm 13,8% - Các hộ sống ở vùng trũng: 915 hộ, chiếm 22,9 % số hộ toàn xã; 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ có nhà kém an toàn phần lớn là điều kiện kinh tế khó khăn, không có kinh phí xây, sửa nhà cho đảm bảo; Một số hộ ốm đau bệnh hiểm nghèo, neo đơn... - Xây nhà không đúng kỹ thuật nhà an toàn. - Không có người hoặc không biết cách chằng chống nhà cửa. - Người dân còn chủ quan. - Thiên tai xảy ra bất ngờ vào ban đêm. - Thiếu kinh phí. 	<p>Tuyên truyền và hướng dẫn người dân chằng chống nhà cửa trước thiên tai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao ý thức phòng chống thiên tai; - Di dời sớm; - Hỗ trợ kinh phí xây nhà chống bão, lũ cho người dân - Tập huấn cho người dân xây nhà chống bão, lũ.
<p>Kênh mương thủy lợi có thể bị hư hỏng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương chưa được kiên cố hoá: 3,4 km chiếm 17%. - Giao thông nội đồng chưa được cứng hoá: 9,7 km, chiếm 76,1 %. - Địa hình trũng thấp, bị tác động của nhiều nhánh sông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương chưa được kiên cố. - Hệ thống cống thoát nước chưa đảm bảo. - Chưa kịp thời tu sửa, nạo vét kênh mương; Quản lý điều tiết tưới tiêu chưa phù hợp. - Thiếu kinh phí... 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiên cố hóa kênh mương. - Người dân chủ động nạo vét kênh mương sau lũ.
<p>Cây lúa, rau màu có thể bị thiệt hại (mất trắng, giảm năng suất)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích lúa ở vùng bị ngập úng: 20 ha. - 35 ha đất nông nghiệp thường xuyên thiếu nước tưới. - Diện tích đất hoang hoá, chưa sử dụng: 12,7 ha. - 70% diện tích cây ớt, ngô và khoai dễ bị đổ ngã khi thiên tai xảy ra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa hình trũng thấp - Gieo sạ chưa tuân thủ đúng lịch thời vụ và cơ cấu giống. - Chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt. - Thiếu nước trong sản xuất (Chủ yếu là cây hoa màu trái mùa). - Người dân còn chủ quan không có kế hoạch thu hoạch sớm. - Người dân còn sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Gieo trồng đúng cơ cấu giống và lịch thời vụ; - Tăng cường tập huấn kỹ thuật trồng trọt; - Tiếp cận nguồn vốn vay; - Tuyên truyền vận động thay đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện của địa phương. - Tăng cường công tác quản lý giống cây

		<ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân chưa được tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi. 	<ul style="list-style-type: none"> xuất theo cách truyền thống; thiếu quy hoạch tập trung. - Nhân dân sản xuất còn tự phát, chưa đáp ứng nhu cầu, xu hướng thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> trồng ở các đại lý. - Định hướng nhân dân sản xuất theo vùng, mùa vụ tập trung.
Đất sản xuất có thể bị sa bồi, thủy phá	<ul style="list-style-type: none"> - Bị tác động nhiều nhánh sông nên dễ gây sạt lở, bồi lấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có kè chống sạt lở, xoáy mòn. - Hệ thống thoát nước chưa đảm bảo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có phương án gia cố, kè chống sạt lở - Có kế hoạch khắc phục sa bồi, thủy phá. 	
Đường giao thông có thể bị sạt lở, hư hỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Có 8,81km đường liên thôn chưa được bê tông hoá, chiếm 48%. - Có 8,04km đường ngõ xóm chưa được bê tông hoá, chiếm 44,2%. - Đường giao thông nội đồng chưa được cứng hoá: 9,7 km, chiếm 76,1 %. - Một số tuyến đường nằm ở vùng trũng thấp, ngập lụt kéo dài, dễ gây sạt lở hư hỏng (Tuyến Quốc Lộ 1 đi cầu Nghĩa Lợi, ở La Hà 2, QL1 tới Lê Tấn Thi ở thôn La Hà 2) 	<ul style="list-style-type: none"> -Thiếu kinh phí để đầu tư làm mới và tu sửa đường giao thông. - Do phương tiện tham gia giao thông quá tải (ý thức của các chủ phương tiện, người dân chưa tốt). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao ý thức cho người dân và chủ các phương tiện trong việc tham gia giao thông. - Nâng cấp những đoạn đường thường xuyên bị ngập úng. 	
Dịch bệnh ở người có thể xảy ra (tiêu chảy, đau mắt đỏ, viêm đường hô hấp,...)	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường bị ô nhiễm. - Thiếu thuốc khử trùng giếng nước và nước sạch sinh hoạt trong và sau thiên tai. - Ý thức người dân về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Không dự trữ thuốc men trước khi thiên tai xảy ra. - Công tác tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường chưa thường xuyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý môi trường nước; - Nâng cao ý thức của người dân về vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; - Dự trữ thuốc trước khi thiên tai xảy ra; - Tuyên truyền cho người dân về cách 	

		môi trường chưa cao.		phòng bệnh.
	Nguy cơ thiệt hại về người (chết, bị thương)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng DBTT trên địa bàn xã cao 1.139 người. - Thiếu phương tiện cứu nạn, cứu hộ. - Số hộ có nhà bán kiên cố, thiếu kiên cố trên địa xã còn nhiều... - Người dân còn chủ quan trong PCTT. - Cầu Bến Gáo xuống cấp, hư hỏng gây nguy hiểm tinh mạng con người khi mưa lũ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện kinh tế khó khăn. - Người dân chưa chủ động trong PCTT và di dời khi có thiên tai xảy ra. - Phần lớn người dân không biết bơi. - Giáo viên và học sinh ít được tham gia tập huấn về PCTT. - Trường tiểu học chưa có điểm dạy bơi cho học sinh. -... 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ các trang thiết bị cho người dân. - Xây dựng nhà tránh bão, lũ; - Tuyên truyền cho người dân di dời sớm đến nơi an toàn; - Tăng cường lực lượng cứu hộ và trang bị phương tiện cứu hộ. - Tổ chức diễn tập PCTT - Làm biển báo những vùng nguy hiểm. - Xây dựng cầu Bến Gáo

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành, lĩnh vực	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn lực dự kiến
				Ngắn hạn	Dài hạn	
Nước sạch và vệ sinh môi trường	Trang bị thùng đựng rác và phương tiện thu gom rác thải	<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm: 11 thôn - Đối tượng: Người dân toàn xã 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng 	x		Công ty vệ sinh môi trường huyện, các doanh nghiệp, người dân
	Tuyên truyền cho người dân nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm: 11 thôn - Đối tượng: Người dân toàn xã 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nội dung, chương trình - Dự toán kinh phí - Tổ chức thực hiện 	Hàng năm		Ngân sách nhà nước và người dân
	Cung cấp hệ thống nước sạch cho	<ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm: 11 thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, thiết kế, lập dự toán 		x	Dự án GCF, địa

	người dân	- Đối tượng: Người dân toàn xã	- Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng			phương, người dân.
Chăn nuôi, trồng trọt	Gia cố, nâng cấp chuồng trại	- Địa điểm: 11 thôn - Đối tượng: Những hộ dân có chăn nuôi	- Khảo sát, lập dự toán - Triển khai thực hiện	x		Ngân sách địa phương, người dân
Nhà ở	Hỗ trợ kinh phí xây nhà chống bão, lũ cho người dân (07 nhà)	- Địa điểm: La Hà 1,2,3,4; Vạn An 3; Điện An 2, Điện An 3 (mỗi thôn 01 cái). - Đối tượng: Hộ nghèo	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng	x		Chương trình theo QĐ 48 của Chính phủ, vốn đối ứng của người dân và Dự án GCF.
	Tập huấn cho người dân về kỹ thuật xây và gia cố nhà phòng, chống bão, lũ.	- Địa điểm: 11 thôn - Đối tượng: Người dân toàn xã	- Xây dựng nội dung, chương trình tập huấn. - Dự toán kinh phí - Vận động nguồn lực - Tổ chức thực hiện	x		Dự án GCF, ngân sách địa phương.
Hạ tầng công cộng (Kênh mương thủy lợi, đường giao thông)	Bê tông hoá hệ thống giao thông nội đồng (9,7 km)	- Địa điểm: 11 thôn - Đối tượng: Người dân toàn xã	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng		x	Ngân sách địa phương, người dân
	Đầu tư, nâng cấp hệ thống kênh mương thủy lợi (3,4 km)	- Địa điểm: 11 thôn - Đối tượng: Người dân toàn xã.	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng		x	Ngân sách nhà nước, địa phương, người dân
Phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH	Nâng cao kiến thức cho người dân trong PCTT	- Địa điểm: 11 thôn. - Đối tượng: Ban PCTT và TKCN xã, Tiểu ban PCTT các thôn và người dân.	Tập huấn kiến thức PCTT và kỹ năng sơ cấp cứu cho người dân	Hàng năm		Các dự án, ngân sách địa phương (huyện, xã)
	Hỗ trợ trang thiết bị cho xã, các thôn:	- Địa điểm: 11 thôn	- Vận động nguồn lực - Tìm nhà cung cấp	x		Dự án GCF, các

	11 ghe, 11 máy phát điện, 4 kura cầm tay, 150 áo phao, 150 phao cứu sinh...	- Đối tượng: Ban PCTT và TKCN xã, Tiểu ban PCTT các thôn, người dân	- Thực hiện mua sắm, cấp phát và hướng dẫn sử dụng.			dự án khác, ngân sách địa phương
Giáo dục	Nâng cao kỹ năng và kiến thức PCTT cho giáo viên và học sinh	- Địa điểm: 04 trường - Đối tượng: Giáo viên học sinh cấp I, II	- Xây dựng hồ bơi cho học sinh các trường. - Mở lớp dạy bơi (04 lớp) - Tập huấn, tuyên truyền kiến thức về PCTT cho giáo viên và học sinh	x		Dự án GCF và các dự án khác, các trường.
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Đặt biển báo, cột mốc báo lũ tại các nơi nguy hiểm (12 biển báo, 03 cột)	- Địa điểm: Thôn Vạn An 1,2,3; La Hà 1; Điện An 1,2 - Người dân địa phương.	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng	x		Ngân sách xã
	Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn (11 cụm loa và âm ly tại các thôn)	- Địa điểm: 11 thôn - Đối tượng: Người dân các thôn	- Khảo sát, - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện	x		Dự án GCF, ngân sách huyện, xã

Trên đây là báo cáo kết quả đánh rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại xã Nghĩa Thương do nhóm hỗ trợ kỹ thuật & nhóm hỗ trợ cộng đồng của xã thực hiện tháng 6/2018.

Nơi nhận:

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA Tỉnh (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN huyện
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VPUBND xã.

**TM.NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT
TRƯỞNG NHÓM**

**Võ Đình Chí
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ**

- 1- DANH SÁCH ĐOÀN ĐÁNH GIÁ
- 2- KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ(file đính kèm)
- 3- CÁC CÔNG ĐÁNH GIÁ(file đính kèm)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nghĩa Thương, ngày 10 tháng 6 năm 2018

**DANH SÁCH
NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT XÃ NGHĨA THƯƠNG
THAM GIA ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
(Từ ngày 16/6 đến 20/6/2018)**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ ĐIỆN	GHI CHÚ
-----------	------------------	----------------	----------------	----------------

			THOẠI	
1	Võ Đình Chí	Phó Chủ tịch UBND	0905264784	Trưởng nhóm
2	Trần Văn Cường	Văn phòng – TK	0933976334	Thành viên
3	Vũ Thị Thanh	Văn phòng – TK	0932138436	Thành viên
4	Trần Văn Phước	Chủ tịch UBMT	0935346289	Thành viên
5	Lê Tiến Vũ	Bí thư Đoàn TN	01677396982	Thành viên
6	Lê Thị Ngọc Ánh	Chủ tịch Hội PN	01692657994	Thành viên
7	Tô Văn Trận	Hội Cựu chiến binh	01993089509	Thành viên
8	Trần Nguyễn Hoàng Oanh	Văn hóa – Xã hội	01677651083	Thành viên
9	Nguyễn Thị Kiều Danh	Tài chính – KH	01225404455	Thành viên
10	Bùi Minh Thuận	Giao thông- thủy lợi	01685146970	Thành viên
	Tổng cộng 10 người			Thành viên

**TM. UBND XÃ NGHĨA THƯƠNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Võ Đình Chí

4- MỘT SỐ HÌNH ẢNH







